CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
DN: C=VN, L=HƯNG YÊN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0900986272
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.29 16:32:37+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 23/2026/TB-PTNN
No.: 23/2026/TB-PTNN

Hưng Yên, ngày 29 tháng 04 năm 2026
Hung Yen, day 29 month 04 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: Vietnam Exchange / Hochiminh Stock Exchange/State Securities Commission of Vietnam

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT/ *HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* HPA

- Địa chỉ/*Address:* Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ *Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 02462797000 Fax:

- E-mail: ir.hpa@hoaphat.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý 1/2026/ *Consolidated and separate Financial Statement 1st Quarter/2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/04/2026 tại đường dẫn : https://nongnghiep.hoaphat.com.vn/
This information was published on the company's website on 29/04/2026, as in the link: https://nongnghiep.hoaphat.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Q1/2026 / Consolidated and separate Financial Statement 1st Quarter/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative

M.S.D.N:0900986272-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hồng Vân

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**619.223.764.742**	**1.057.291.764.025**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**7.344.047.715**	**441.475.459.416**
1.	Tiền	111		7.344.047.715	441.475.459.416
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**611.875.129.789**	**615.816.304.609**
1.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.450.000	-
2.	Phải thu ngắn hạn khác	135	5	611.853.679.789	615.816.304.609
III.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**4.587.238**	**-**
1.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163		4.587.238	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**3.759.321.983.307**	**2.549.311.082.057**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
	- Nguyên giá	*222*		31.200.000	31.200.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(31.200.000)	(31.200.000)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		150.860.000	150.860.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(150.860.000)	(150.860.000)
II.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**6**	**3.759.250.000.000**	**2.549.250.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	261		3.759.250.000.000	2.549.250.000.000
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**71.983.307**	**61.082.057**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		71.983.307	61.082.057
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**4.378.545.748.049**	**3.606.602.846.082**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**745.927.529**	**440.076.680.163**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**745.927.529**	**440.076.680.163**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		508.895.674	278.865.043
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-	792.670
3.	Phải trả người lao động	315		118.715.295	170.868.050
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	487.620.000
5.	Phải trả ngắn hạn khác	320		14.607.160	439.031.525.000
6.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		103.709.400	107.009.400
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**7**	**4.377.799.820.520**	**3.166.526.165.919**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.850.000.000.000	2.550.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		2.850.000.000.000	2.550.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		911.866.210.000	-
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		615.933.610.520	*616.526.165.919*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	*420a*		616.526.165.919	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		(592.555.399)	*616.526.165.919*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**4.378.545.748.049**	**3.606.602.846.082**

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900986272 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 1 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**-**	**-**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**-**	**-**
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**-**	**-**
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	8	87.001.524	334.312.362.970
Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*24*		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9	678.798.869	26.802.935
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	**30**		**(591.797.345)**	**334.285.560.035**
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		758.054	-
(Lỗ) khác (40=31-32)	**40**		**(758.054)**	**-**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**(592.555.399)**	**334.285.560.035**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**60**		**(592.555.399)**	**334.285.560.035**

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900986272 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***(592.555.399)***	***334.285.560.035***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	(334.312.362.970)
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(592.555.399)***	***(26.802.935)***
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(116.812.418)	-
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(925.322.434)	(312.092.000)
	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	(10.901.250)	19.741.935
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.300.000)	(13.300.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**(1.648.891.501)**	**(332.453.000)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.210.000.000.000)	-
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.000.000.000	334.312.362.970
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(1.207.000.000.000)**	**334.312.362.970**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	774.517.479.800	-
2.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(335.500.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***774.517.479.800***	***(335.500.000.000)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(434.131.411.701)**	**(1.520.090.030)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**441.475.459.416**	**4.734.120.370**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**7.344.047.715**	**3.214.030.340**

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900986272-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 04 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2026.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư tài chính.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,9479%	99,9479%	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch
2	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Hưng Yên	99,9875%	99,9875%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi từ hoạt động đầu tư

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát – công ty mẹ, và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

4. TIỀN

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.344.047.715	441.475.459.416
	7.344.047.715	**441.475.459.416**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	611.762.904.609	614.762.904.609
Các khoản phải thu khác	90.775.180	1.053.400.000
	611.853.679.789	**615.816.304.609**

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2026			01/01/2026		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	959.500.000.000	-	(i)	799.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	1.999.750.000.000	-	(i)	999.750.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	400.000.000.000	-	(i)	400.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	400.000.000.000		(i)	350.000.000.000	-	(i)
	3.759.250.000.000			**2.549.250.000.000**		

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	**2.800.000.000.000**	-	**4.825.507.993**	**2.804.825.507.993**
Giảm vốn trong kỳ	(250.000.000.000)	-	-	1.979.664.361.523
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.979.664.361.523	(250.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(1.367.963.703.597)	(1.367.963.703.597)
Tại ngày 31/12/2025	**2.550.000.000.000**	-	**616.526.165.919**	**3.166.526.165.919**
Tại ngày 01/01/2026	**2.550.000.000.000**	-	**616.526.165.919**	**3.166.526.165.919**
Tăng vốn IPO trong kỳ	300.000.000.000	911.866.210.000	-	1.211.866.210.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(592.555.399)	(592.555.399)
				-
Tại ngày 31/03/2026	**2.850.000.000.000**	**911.866.210.000**	**615.933.610.520**	**4.377.799.820.520**

8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87.001.524	512.362.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	333.800.000.000
	87.001.524	**334.312.362.970**

9. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2026	Quý 1 năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	463.795.129	-
Chi phí mua ngoài	215.003.740	26.802.935
	678.798.869	**26.802.935**

10. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty Quý I năm 2026 bị lỗ 592 triệu đồng, giảm 334.878 triệu đồng tương ứng với 100,2% so với cùng kỳ năm 2025 (Quý I năm 2025 lãi 334.286 triệu đồng) chủ yếu là do lợi nhuận công ty con chuyển về giảm 333.800 triệu đồng.

M.S.D.N: 0900986272-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

Nguyễn Thị Hồng Thắng	**Phạm Thị Hồng Vân**
Người lập biểu/Kế toán trưởng	**Tổng Giám đốc**

Ngày 29 tháng 04 năm 2026

Hoa Phat Agriculture Development Joint Stock Company

1st Quarter of 2026 Separate Financial Statements

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 March 2026

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	31/03/2026	01/01/2026
A. CURRENT ASSETS	**100**		**619,223,764,742**	**1,057,291,764,025**
I. Cash and cash equivalents	**110**	**4**	**7,344,047,715**	**441,475,459,416**
1. Cash	111		7,344,047,715	441,475,459,416
II. Short-term receivables	**130**		**611,875,129,789**	**615,816,304,609**
1. Prepayments to suppliers	132		21,450,000	-
2. Other short-term receivables	135	5	611,853,679,789	615,816,304,609
III. Other short-term assets	**160**		**4,587,238**	**-**
1. Taxes and other receivables from the State Treasury	163		4,587,238	-
B. NON-CURRENT ASSETS	**200**		**3,759,321,983,307**	**2,549,311,082,057**
I. Tangible fixed assets	**220**		-	-
1. Tangible fixed assets	221		-	-
- Cost	*222*		31,200,000	31,200,000
- Accumulated depreciation	*223*		(31,200,000)	(31,200,000)
2. Intangible assets	227		-	-
- Cost	*228*		150,860,000	150,860,000
- Accumulated amortisation	*229*		(150,860,000)	(150,860,000)
II. Long-term financial investments	**260**	**6**	**3,759,250,000,000**	**2,549,250,000,000**
1. Investments in subsidiaries	261		3,759,250,000,000	2,549,250,000,000
III. Other long-term assets	**270**		**71,983,307**	**61,082,057**
1. Long-term prepaid expenses	271		71,983,307	61,082,057
TOTAL ASSETS (280=100+200)	**280**		**4,378,545,748,049**	**3,606,602,846,082**

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 March 2026

Đơn vị: VND

	RESOURCES	Codes	Notes	31/03/2026	01/01/2026
C.	**LIABILITIES**	**300**		**745,927,529**	**440,076,680,163**
I.	**Current liabilities**	**310**		**745,927,529**	**440,076,680,163**
1.	Short-term trade payables	311		508,895,674	278,865,043
2.	Taxes and amounts payable to the State budget	314		-	792,670
3.	Payables to employees	315		118,715,295	170,868,050
4.	Short-term accrued expenses	316		-	487,620,000
5.	Other current payables	320		14,607,160	439,031,525,000
6.	Bonus and welfare funds	323		103,709,400	107,009,400
D.	**OWNERS' EQUITY**	**400**	**7**	**4,377,799,820,520**	**3,166,526,165,919**
1.	Owners' contributed capital	411		2,850,000,000,000	2,550,000,000,000
	- Ordinary shares carrying voting rights	*411a*		2,850,000,000,000	2,550,000,000,000
2.	Share premium	412		911,866,210,000	-
3.	Retained earnings	420		615,933,610,520	*616,526,165,919*
	- Retained earnings of the previous period/year	*420a*		616,526,165,919	-
	- Retained earnings of the current period/year	*420b*		(592,555,399)	*616,526,165,919*
	TOTAL RESOURCES (440=300+400)	**440**		**4,378,545,748,049**	**3,606,602,846,082**

Nguyen Thi Hong Thang
Preparer/Chief Accountant

Pham Thi Hong Van
Chief Executive Officer

April 29th, 2026

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

SEPARATE INCOME STATEMENT

1st Quarter of 2026

ITEMS	Codes	Notes	1st Quarter of 2026	1st Quarter of 2025
Revenue from sales of goods and provision of services	**01**		-	-
Revenue deductibles	02		-	-
Net revenue (10 = 01 - 02)	**10**		-	-
Cost of sales	11		-	-
Gross profit (20 = 10 -11)	**20**		-	-
Gain/loss from disposal of investment property	21		-	-
Financial income	22	8	87,001,524	334,312,362,970
Financial expenses	23		-	-
In which: interest expense	*24*		-	-
Selling expenses	25		-	-
General and administration expenses	26	9	678,798,869	26,802,935
Net operating profit {30=20+21+(22-23)-(25+26)}	**30**		**(591,797,345)**	**334,285,560,035**
Other income	31		-	-
Other expenses	32		758,054	-
Other profit (40=31-32)	**40**		**(758,054)**	-
Accounting profit before tax (50=30+40)	**50**		**(592,555,399)**	**334,285,560,035**
Current income tax expense	51		-	-
Deferred income tax expense/(benefit)	52		-	-
Net profit after tax (60=50-51-52)	**60**		**(592,555,399)**	**334,285,560,035**

Nguyen Thi Hong Thang
Preparer/Chief Accountant

M.S.D.N: 0900986272-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

Phạm Thi Hong Van
Chief Executive Officer

April 29th, 2026

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

For the period from 01 January to 31 March 2026

Unit: VND

	ITEMS	Codes	1st Quarter of 2026	1st Quarter of 2025
I.	**CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES**			
1.	***Profit before tax***	***01***	***(592.555.399)***	***334.285.560.035***
2.	***Adjustments for:***			
	Gain from investing activities	05	-	(334.312.362.970)
3.	***Operating losses before movements in working capital***	***08***	***(592.555.399)***	***(26.802.935)***
	Decreases in receivables	09	(116.812.418)	-
	Decreases in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	(925.322.434)	(312.092.000)
	Decreases in prepaid expenses	12	(10.901.250)	19.741.935
	Other cash outflows	17	(3.300.000)	(13.300.000)
	Net cash used in operating activities	***20***	**(1.648.891.501)**	**(332.453.000)**
II.	**CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES**			
1.	Equity investments in other entities	25	(1.210.000.000.000)	-
2.	Interest earned, dividends and profits received	27	3.000.000.000	334.312.362.970
	Net cash generated by investing activities	***30***	**(1.207.000.000.000)**	**334.312.362.970**
III.	**CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES**			
1.	Proceeds from equity issued, capital contributed by non-controlling shareholders	31	774.517.479.800	-
2.	Dividends and profits paid	36	-	(335.500.000.000)
	Net cash used in financing activities	***40***	***774.517.479.800***	***(335.500.000.000)***
	Net increases in cash (50=20+30+40)	**50**	**(434.131.411.701)**	**(1.520.090.030)**
	Cash and cash equivalents at the beginning of the period	**60**	**441.475.459.416**	**4.734.120.370**
	Cash and cash equivalents at the end of the period (70=50+60)	**70**	**7.344.047.715**	**3.214.030.340**

Nguyen Thi Hong Thang
Preparer/Chief Accountant

M.S.D.N: 0900986272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

Pham Thi Hong Van
Chief Executive Officer
April 29th 2026

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

NOTES TO THE 1st QUARTER OF 2026 SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate financial statements

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Hoa Phat Agriculture Development Joint Stock Company (the "Company") was established in accordance with the Law on Enterprises of Vietnam and operates under Enterprise Registration Certificate No. 0900986272, initially issued by the Department of Finance of Hung Yen Province (formerly known as the Department of Planning and Investment of Hung Yen Province) on February 2nd 2016, and the lasted Enterprise Registration Certificate is the 11th amendment dated January 13th 2026.

Operating industry and principal activities

The Company's operating industry includes:

- Livestock and poultry farming;
- Production of livestock feed and poultry feed.

The Company's principal activities are to engage in financial investment activities.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months or less.

The Company's structure

Detailed information on the Company's direct subsidiaries as at 31 March 2026 is as follows:

No.	Name of subsidiary	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest (%)	Proportion of voting power held (%)	Principal activity
1	Hoa Phat Trading Company Limited	Hanoi	99.9479%	99.9479%	Cattle farming; provision of cultivation, livestock, and post-harvest services
2	Hoa Phat Livestock Development Joint Stock Company	Hung Yen	99.9875%	99.9875%	Breeding and supplying piglets and commercial pigs
3	Hoa Phat Hung Yen Feed Company Limited	Hung Yen	100%	100%	Manufacturing and trading of livestock, poultry, and aquatic feed and raw materials
4	Hoa Phat Phu Tho Poultry One Member Company Limited	Phu Tho	100%	100%	Poultry farming

2. BASIS OF PRESENTATION

Accounting regime

The separate financial statements are prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant legal regulations governing the preparation and presentation of financial statements.

The Company has also prepared and issued consolidated financial statements. To obtain a full understanding of the consolidated financial position, consolidated results of operations, and consolidated cash flows of the Company and its subsidiaries, these separate financial statements should be read in conjunction with the consolidated financial statements of the Company and its subsidiaries.

Accounting period

The Company's financial year begins on January 1st and ends on December 31st.

Accounting currency

The accounting currency of the Company is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for preparation and presentation of the separate financial statements.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these interim separate financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of interim separate financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to interim financial reporting requires the Board of Executive Officers to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the interim separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the reporting period. Although these accounting estimates are based on the Board of Executive Officers' best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Cash

Cash comprises demand deposits.

Financial investments

Loan receivables

Loan receivables are measured at cost less provision for doubtful debts. Provision for doubtful debts relating to loan receivables is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Investments in subsidiaries

A subsidiary is an entity over which the Company has control. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities

Profit distribution

Net profit after corporate income tax may be distributed to shareholders upon approval by the General Meeting of Shareholders in accordance with the Company's Charter and the provisions of Vietnamese law.

The Company's net profit after corporate income tax is allocated based on the proposal of the Board of Directors and subject to approval by the shareholders at the General Meeting of Shareholders.

Bonus and Welfare Fund

This fund is appropriated for the purposes of rewarding, providing material incentives, creating common benefits, and improving the welfare of employees. It is presented as a payable item in the interim separate balance sheet.

Revenue recognition

Interest Income from Deposits, Loans, and Investments

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Interest from investments is recognized when the Company's right to receive payment has been established.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the period. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the interim separate income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the interim separate financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

Related parties

Parties are considered related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to exercise significant influence over the other party in making decisions that affect the financial position and operating activities, or when the Company and the other party are subject to common control or common significant influence. Related parties may be companies or individuals, including close family members of individuals considered to be related.

Related companies include the Company's subsidiaries; Hoa Phat Group Joint Stock Company – the parent company; and the subsidiaries and associates of this company

4. CASH

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Bank demand deposits	7,344,047,715	441,475,459,416
	7,344,047,715	**441,475,459,416**

5. OTHER SHORT-TERM RECEIVABLES

	31/03/2026 VND	01/01/2026 VND
Dividends and profit sharing received	611,762,904,609	614,762,904,609
Other receivables	90,775,180	1,053,400,000
	611,853,679,789	**615,816,304,609**

6. NON-CURRENT FINANCIAL INVESTMENTS

	31/03/2026			01/01/2026		
			VND			VND
	Cost	Provision	Fair value	Cost	Provision	Fair value
Investments in subsidiaries						
Hoa Phat Trading Company Limited	959,500,000,000	-	(i)	799,500,000,000	-	(i)
Hoa Phat Livestock Development Joint Stock Company	1,999,750,000,000	-	(i)	999,750,000,000	-	(i)
Hoa Phat Hung Yen Feed Company Limited	400,000,000,000	-	(i)	400,000,000,000	-	(i)
Hoa Phat Phu Tho Poultry One Member Company Limited	400,000,000,000		(i)	350,000,000,000	-	(i)
	3,759,250,000,000			**2,549,250,000,000**		

(i) The Company has not determined fair value of its financial investments as at the interim separate balance sheet date since there is no comprehensive guidance of relevant prevailing regulations on determination of fair value of these financial investments.

7. OWNERS' EQUITY

Movement in owners' equity

	Owner's contributed capital	Share Premium	Retained earnings	Total
	VND		VND	VND
As at 01 January 2025	**2,800,000,000,000**	-	**4,825,507,993**	**2,804,825,507,993**
Capital reduction during the period	(250,000,000,000)	-	-	1,979,664,361,523
Profit for the period	-	-	1,979,664,361,523	(250,000,000,000)
Dividends declared	-	-	(1,367,963,703,597)	(1,367,963,703,597)
As at 31 December 2025	**2,550,000,000,000**	-	**616,526,165,919**	**3,166,526,165,919**
As at 01 January 2026	**2,550,000,000,000**	**-**	**616,526,165,919**	**3,166,526,165,919**
Increase in capital from IPO during the period	300,000,000,000	911,866,210,000	-	1,211,866,210,000
Profit for the period	-	-	(592,555,399)	(592,555,399)
As at 31 March 2026	**2,850,000,000,000**	**911,866,210,000**	**615,933,610,520**	**4,377,799,820,520**

8. FINANCIAL INCOME

	1st Quarter of 2026	1st Quarter of 2025
	VND	VND
Bank and loan interest	87,001,524	512,362,970
Dividends, distributed profits	-	333,800,000,000
	87,001,524	**334,312,362,970**

9. GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	1st Quarter of 2026	1st Quarter of 2025
	VND	VND
Employees expenses	463,795,129	-
Outsources	215,003,740	26,802,935
	678,798,869	**26,802,935**

10. EXPLANATION OF FLUCTUATIONS IN BUSINESS RESULTS

The Company's profit after tax in Q1 2026 recorded a loss of VND 592 million, a decrease of VND 334,878 million, equivalent to 100.2%, compared to the same period in 2025 (Q1 2025 profit after tax: VND 334,286 million), primarily due to a VND 333,800 million decline in profits remitted from subsidiaries.

M.S.D.N: 0900986272-C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
H.YÊN MỸ-T.HƯNG YÊN

Nguyen Thi Hong Thang
Preparer/Chief Accountant

Pham Thi Hong Van
Chief Executive Officer

April 29th, 2026